TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2020
V/*v Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đạt; Ông Vũ Văn Quảng

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020; Các Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐHPT-DS ngày 19/8/2020; số 15/2020/QĐHPT-DS ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Thúy M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 3, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 16/03/2015 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh N cùng chung sống ở thôn (nay là Đ), xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xẩy ra đánh cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, quan điểm sống, anh N không có nghề nghiệp ổn định, không tu chí làm ăn, mải chơi, thường xuyên uông bia rượu.

Chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Ngoài ra còn do nguyên nhân anh chị kết hôn đã được 5 năm nhưng chưa có con, anh N lại không chịu đi điều trị nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được nên tháng 6/2018 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu 3, xã H (nay là xã L), huyện T, tỉnh Phú Thọ sống ly thân với anh N. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng :

Ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của anh N) trình bày: Chị M, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi kết hôn chị M anh N đi làm ở Trung Quốc, sau đó về nhà ông sống được một vài tháng thì chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T, Phú Thọ, còn anh N thì đi làm tự do, hay vắng nhà. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị M như thế nào ông không rõ và cũng không can thiệp. Việc chị M, anh N ly hôn là do anh ấy tự quyết định ông không can thiệp và không có đề nghị gì. Anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương nhưng do anh N hay đi làm vắng nhà nên không đến Tòa án làm việc. Anh N, chị M không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Theo tài liệu xác minh tại Công an, UBND xã A, Trưởng thôn Đ: Anh N hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương. Về mâu thuẫn của anh N, chị M chính quyền địa phương và thôn không rõ vì chưa nhận được đề nghị của gia đình yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Từ năm 2018 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ không sống cùng anh N, đến ngày 02/12/2019 chị N chuyển hộ khẩu thường trú về khu 3, H, T, Phú Thọ. Anh N chị M không có con chung.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân xử cho chị M ly hôn anh N; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Về án phí: chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy M có đơn vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thúy M, anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/03/2015 tại UBND xã A, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị M trình bày: Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, quan điểm sống, anh N không có nghề nghiệp ổn định, không tu chí làm ăn. Ngoài ra còn do anh chị kết hôn đã được 5 nhưng không có con, chị và anh N sống ly thân từ tháng 6/2018. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng, tài liệu xác minh tại UBND xã A, Công an xã A. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt chứng tỏ anh N thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh N. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị M, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị M ly hôn anh N.

[3] Về quan hệ con chung, sản chung, nợ chung: Chị M, anh N không có con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đỗ Thị Thúy M ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Án phí: Chị Đỗ Thị Thúy M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0008550 ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy